



GFT043GA INTERFACE

NO.	NAME	NO.	NAME
1	LEDK	21	B0
2	LEDA	22	B1
3	GND	23	B2
4	VDD	24	B3
5	R0	25	B4
6	R1	26	B5
7	R2	27	B6
8	R3	28	B7
9	R4	29	GND
10	R5	30	DCLK
11	R6	31	DISP
12	R7	32	HSYNC
13	G0	33	VSYNC
14	G1	34	DE
15	G2	35	NC
16	G3	36	GND
17	G4	37	NC
18	G5	38	NC
19	G6	39	NC
20	G7	40	NC

GFT043IA INTERFACE  
 \* LEDK LEDA,18.2V,40mA

NOTES:  
 1.T=1.0mm  
 2.The tolerance unless classified ±0.5mm

日期	版本	修改內容

晶發科技 有限公司  
 GI FAR TECHNOLOGY CO., LTD

DATE	2014.11.26	REV	0X
UNIT : mm	Product :	GFTRU043IA480272-GT03	
SCALE : 1 / 1	DRAWN :	Hazel	CHECKED : Donlin
SHEET : 1 / 1			PAGE : 1 / 1